

Số: 08 /2012/ TT- BKHĐT

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2012

THÔNG TƯ

**Quy định Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp
áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 26 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; danh mục và nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê,

Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

Điều 1. Hệ thống biểu mẫu thuộc Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bao gồm:

1. Danh mục biểu mẫu báo cáo (gồm 114 biểu mẫu);
2. Các biểu mẫu;
3. Giải thích biểu mẫu báo cáo: Giải thích cụ thể từng chỉ tiêu trong từng biểu mẫu báo cáo.

Điều 2. Đơn vị báo cáo, đơn vị nhận báo cáo, nội dung báo cáo, thời hạn nhận báo cáo và phương thức gửi báo cáo

1. Đơn vị báo cáo: Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
2. Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê.
3. Nội dung và các biểu mẫu báo cáo cụ thể:

- Lĩnh vực thống kê Tài khoản quốc gia: 10 biểu;
- Lĩnh vực thống kê Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: 32 biểu;
- Lĩnh vực thống kê Công nghiệp: 15 biểu;
- Lĩnh vực thống kê Đầu tư và xây dựng: 20 biểu;
- Lĩnh vực thống kê Thương mại và dịch vụ: 27 biểu;
- Lĩnh vực thống kê Xã hội, môi trường: 10 biểu.

4. Thời hạn nhận báo cáo:

- Báo cáo tháng: ngày 17 hàng tháng;
- Báo cáo quý: ngày 17 tháng cuối quý;
- Báo cáo năm: Ghi cụ thể tại từng biểu mẫu báo cáo;
- Báo cáo thời điểm: Ghi cụ thể tại từng biểu mẫu báo cáo.

5. Phương thức gửi báo cáo: Các báo cáo thống kê được thực hiện dưới 2 hình thức: bằng văn bản và bằng tệp dữ liệu báo cáo(gửi kèm thư điện tử).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ các văn bản sau:

- Quyết định số 633/2003/QĐ-TCTK ngày 29/10/2003 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ về Lao động và thu nhập áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Quyết định số 75/2003/QĐ-TCTK ngày 15/01/2003 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ về Tài khoản quốc gia áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Quyết định số 657/2002/QĐ-TCTK ngày 02/10/2002 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ về Nông, lâm nghiệp và thủy sản áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Quyết định số 735/2002/QĐ-TCTK ngày 15/11/2002 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ về Công nghiệp áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Quyết định số 733/2002/QĐ-TCTK ngày 15/11/2002 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ về Vốn đầu tư và xây dựng áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Quyết định số 734/2002/QĐ-TCTK ngày 15/11/2002 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ về Thương mại, khách sạn, nhà hàng, du lịch lữ hành và dịch vụ áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Quyết định số 732/2002/QĐ-TCTK ngày 15/11/2002 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ về Vận tải, bốc xếp dịch vụ, đại

lý vận tải và bưu chính viễn thông áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Quyết định số 730/2002/QĐ-TCTK ngày 15/11/2002 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ về Giáo dục, đào tạo, văn hóa thông tin, y tế, thể dục thể thao, thiếu đói trong nông dân áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê căn cứ Thông tư này có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê này theo quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm đôn đốc các Sở, ban, ngành cung cấp thông tin thống kê thuộc lĩnh vực quản lý cho Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhằm phục vụ tính toán, tổng hợp các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn và nhu cầu thông tin của Tổng cục Thống kê.

4. Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chấp hành đầy đủ, chính xác từng biểu mẫu báo cáo về nội dung báo cáo; thời điểm báo cáo và thời kỳ báo cáo; gửi báo cáo để bảo đảm đúng ngày nhận báo cáo của đơn vị nhận báo cáo.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để kịp thời xem xét, chỉnh lý./.

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VPBCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Website của Chính phủ;
- Công báo VPCP;
- Các đơn vị thuộc Bộ KH&ĐT;
- Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TCTK.

BỘ TRƯỞNG

(đã ký)

Bùi Quang Vinh